

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/HS-ST

Ngày: 04/3/2024

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN – TỈNH BẮC KẠN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Thế Uy.

2. Bà Phan Thị Huyền.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xuân – Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Mai Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2024, tại hội trường xét xử của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 25/2024/HSST ngày 05/02/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST - HS ngày 22 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Nông Thiêm Ch (tên gọi khác: Không), sinh ngày 14 tháng 9 năm 1985 tại tỉnh B; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Không; chỗ ở: Tổ 1, phường S, thành phố C, tỉnh C1; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Thiêm D (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; vợ, con: Chưa có; tiền án: 05 tiền án (Năm 2007, bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) C, tỉnh C1 xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo Bản án số 112/2007/HSST ngày 26/12/2007. Năm 2008, bị Tòa án nhân dân huyện B2, tỉnh B xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo Bản án số 05/2008/HSST ngày 13/3/2008. Năm 2012, bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) C, tỉnh C1 xử phạt 42 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo Bản án số 12/2012/HSST ngày 28/4/2012. Năm 2016, bị Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh C1 xử phạt 42 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo Bản án số 30/2016/HSST ngày 28/4/2016. Năm 2020, bị Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh C1 xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo Bản án số 05/2020/HSST ngày 20/02/2020 chưa được xóa án tích; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 30/6/2023, có hành vi trộm cắp tài sản tại tổ 11, phường H, thành phố C, tỉnh C1, nên ngày 18/9/2023, bị Cơ quan

CSĐT Công an thành phố C, tỉnh C1 khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự, hiện nay chưa xét xử.

Bị tạm giam từ ngày 24/8/2023 cho đến nay. Có mặt.

* **Bị hại:** 1. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1983, nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại: Xóm T, xã Ph, huyện Đ, tỉnh Th. Vắng mặt.

2. Ông Nông Văn Ch1, sinh năm 1967; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại: Thôn P, xã M, huyện B4, tỉnh B. Có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1972; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại: Thôn P, xã M, huyện B4, tỉnh B. Có mặt.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** 1. Anh Hứa Văn Tr, sinh năm 1993; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại: Tổ 14, phường Ng, thành phố B1. Vắng mặt.

2. Anh Bế Xuân H1, sinh năm 1995; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại: Tổ 10, phường Đ, thành phố B2. Vắng mặt.

3. Anh Đặng Tiến Th, sinh năm 1994; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại: Tổ 6, phường T, thành phố Th, tỉnh Th1. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian ngày 31/7/2023 và ngày 18/8/2023, Nông Thiêm Ch đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác, cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 31/7/2023, Nông Thiêm Ch đến nhà ông Nông Văn Ch1, bà Nguyễn Thị Nh tại thôn P, xã M, huyện B4, tỉnh B chơi và ngủ nhờ tại căn nhà cũ của gia đình ông Ch1 bà Nh. Khoảng 21 giờ cùng ngày, Ch nhìn thấy 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Vision, màu sơn trắng, biển kiểm soát 97B1 – 513.xx của ông Ch1 bà Nh để ngoài sân và ông Ch1 bà Nh đã đóng cửa đi ngủ tại nhà mới nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên. Ch đi bộ từ căn nhà cũ xuống nhà mới, thấy cửa chính khép không khóa nên Ch mở cửa đi vào phòng khách lấy chìa khoá xe để tại ghế ngồi uống nước rồi đi ra sân và cắm chìa khoá vào ổ khoá điện của xe, sau đó quay đầu xe và dắt xe ra ngoài đường rồi nổ máy điều khiển xe đi đến thành phố B1, tỉnh B để bán chiếc xe trộm cắp được. Sáng ngày 01/8/2023, Chung đi đến khu vực phường Ng, thành phố B và bán chiếc xe mô tô biển kiểm soát 97B1 – 513.xx cho một người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ được số tiền 11.000.000đ (mười một triệu đồng). Sau khi bán xe, Chung đi xe ô tô khách đến thành phố Th, tỉnh Th1 và tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Lần thứ hai: Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 18/8/2023, Nông Thiêm Ch ra bên xe khách tỉnh Th rồi lên xe ô tô khách biển kiểm soát 11B - 002.xx của nhà xe C, do anh Nguyễn Văn H là lái xe để về nhà tại thành phố C, tỉnh C1. Khi lên xe, Ch ngồi ở vị trí gần cửa lên xuống của xe, quá trình di chuyển Ch nhìn thấy

01 (một) hộp hàng vỏ **bìa cát tông** do H nhận vận chuyển thuê cho anh Đặng Tiến Th từ thành phố Th, tỉnh Th1 đến thành phố C, tỉnh C1 để ở vị trí sát cần số của xe nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trong chiếc hộp trên. Khoảng 19 giờ cùng ngày, khi xe đi đến quán ăn Huy H thuộc tổ Kh, phường H1, thành phố B1, tỉnh B thì anh H dừng xe để hành khách nghỉ. Ch cùng mọi người xuống xe, sau đó một mình quay lại xe thì thấy cửa xe mở, trên xe không có người nên Ch đã lên xe và lấy chiếc hộp đặt tại vị trí sát với cần số xe rồi dùng tay bóc mở vỏ hộp ra thì thấy bên trong có 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro max, màu tím, sản xuất năm 2023, còn mới chưa qua sử dụng. Ch lấy chiếc điện thoại đút vào túi quần bên phải đang mặc, còn vỏ hộp đựng điện thoại thì Ch đặt lại vị trí ban đầu. Sau khi lấy được điện thoại, Ch xuống xe, đi bộ về phía trung tâm thành phố B1, đến cửa hàng mua bán điện thoại TRƯỜNG MOBILE do anh Hứa Văn Tr làm chủ và nói chiếc điện thoại là của mình không dùng nên muốn bán thì anh Tr đồng ý mua. Sau khi **kiểm tra** anh Tr đã mua chiếc điện thoại với giá là 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng). Số tiền bán chiếc điện thoại trộm cắp, Chung đã mua 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO với giá 3.800.000đ (ba triệu tám trăm nghìn đồng chẵn) của anh Tr, số tiền còn lại Ch đã tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua chiếc điện thoại **của** Ch, cùng ngày anh Tr đã bán lại cho anh Bé Xuân H2 với giá tiền 22.000.000đ (hai mươi hai triệu đồng) và anh H2 đã tiếp tục bán lại cho một người một người đàn ông không rõ **họ** tên, địa chỉ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 200/KL-HĐĐGTSTXTTTHS ngày 22/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố Bắc Kạn, kết luận:

“- 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro max, màu tím, sản xuất năm 2023, còn mới chưa qua sử dụng, có giá là 26.490.000đ (hai mươi sáu triệu bốn trăm chín **mười** nghìn đồng chẵn).”

Tại Kết luận định giá tài sản số 228/KL-HĐĐGTSTXTTTHS ngày 31/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố Bắc Kạn, kết luận:

“- 01 (Một) xe mô tô biển kiểm soát 97B1 – 513.56, nhãn hiệu HONDA Vision, màu sơn trắng, ngày đăng ký 23/12/2015, số máy: JF58E0282306, số khung: RLHJF5802EY282221, xe cũ đã qua sử dụng, có giá là 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng chẵn).”

Tại bản cáo trạng số 10/CT-VKSTP ngày 03/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố đối với Nông Thiêm Ch về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong

các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

g) Tái phạm nguy hiểm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo từ 42 đến 48 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giam ngày 24/8/2023.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 530, 534, 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự.

- Buộc bị cáo Nông Thiêm Ch phải bồi thường cho ông Nông Văn Ch1, bà Nguyễn Thị Nh số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

- Buộc bị cáo Nông Thiêm Ch phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn H số tiền 26.490.000đ (hai mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng).

- Anh Nguyễn Văn H phải bồi thường cho anh Đặng Tiến Th số tiền 25.100.000đ (hai mươi năm triệu, một trăm nghìn đồng).

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 (một) vỏ hộp chất liệu bìa cát tông, có kích thước 10x15x24cm, trên vỏ hộp có dán giấy ghi chữ “người gửi: e Th, 0372.87.97.68, Ng nhận: A s, 0971.123.222, S – TP.C”, bên trong có 01 (một) vỏ hộp điện thoại Iphone.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự theo quy định của pháp luật.

* Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận việc truy tố, xét xử bị cáo là không oan, đúng người, đúng tội và xin hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau.

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân và Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo thống nhất với các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có cơ sở khẳng định:

Trong ngày 31/7/2023 và ngày 18/8/2023, Nông Thiêm Ch đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 21 giờ ngày 31/7/2023 tại thôn P, xã M, huyện B4, tỉnh B1, Nông Thiêm Ch đã thực hiện hành vi lén lút trộm cắp 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Vision, màu sơn trắng, biển kiểm soát 97B1 – 513.xx trị giá 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng) là tài sản thuộc sở hữu của ông Nông Văn Ch1, bà Nguyễn Thị Nh, sau đó mang bán cho một người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ tại khu vực phường Ng, thành phố B1, tỉnh B được số tiền 11.000.000đ (mười một triệu đồng) rồi tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ hai: Khoảng 19 giờ ngày 18/8/2023, tại khu vực tổ Kh, phường H, thành phố B1, tỉnh B, Nông Thiêm Ch đã thực hiện hành vi lén lút trộm cắp 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro max, màu tím, sản xuất năm 2023, còn mới chưa qua sử dụng trị giá 26.490.000đ (hai mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng chẵn) là tài sản do anh Nguyễn Văn H vận chuyển thuê, sau đó mang bán cho anh Hứa Văn Tr được số tiền 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng) rồi tiêu xài cá nhân hết.

Bị cáo có 05 tiền án. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 05/2020/HS-ST ngày 20/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh C1 đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm nguy hiểm ” đến nay chưa được xóa án tích. Vì vậy, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do vậy, việc truy tố, xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo có nhân thân xấu. Có 05 tiền án (Năm 2007, bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) C, tỉnh C1 xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo Bản án số 112/2007/HSST ngày 26/12/2007. Năm 2008, bị Tòa án nhân dân huyện B2, tỉnh B xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo Bản án số 05/2008/HSST ngày 13/3/2008. Năm 2012, bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) C1, tỉnh C xử phạt 42 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo Bản án số 12/2012/HSST ngày 28/4/2012. Năm 2016, bị Tòa án nhân dân

thành phố C, tỉnh C1 xử phạt 42 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo Bản án số 30/2016/HSST ngày 28/4/2016. Năm 2020, bị Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh C1 xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo Bản án số 05/2020/HSST ngày 20/02/2020, chưa được xóa án tích); tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 30/6/2023, Nông Thiêm Ch có hành vi trộm cắp tài sản tại tổ 11, phường H, thành phố C, tỉnh C1, nên ngày 18/9/2023, bị Cơ quan CSĐT Công an thành phố C, tỉnh C1 khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, đã tự thú về hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô ngày 31/7/2023 nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương. Bị cáo đã nhiều lần vi phạm pháp luật, bị xử lý hình sự nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà còn tiếp tục phạm tội. Bởi vậy cần phải có một mức án thật nghiêm khắc mới có thể cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Ngày 30/6/2023, Nông Thiêm Ch có hành vi trộm cắp tài sản tại tổ 11, phường H, thành phố C1, tỉnh C, nên ngày 18/9/2023, bị Cơ quan CSĐT Công an thành phố C, tỉnh C1 khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Hiện nay chưa xét xử nên chưa tổng hợp hình phạt theo quy định.

* Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo không có tài sản, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung "Phạt tiền" đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

* Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại ông Nông Văn Ch1, bà Nguyễn Thị Nh yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) là giá trị chiếc xe và các chi phí khác do mất xe. Bị cáo nhất trí bồi thường số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) cho bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Quá trình điều tra, bị hại anh Nguyễn Văn H yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 26.490.000đ (hai mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng) là giá trị chiếc điện thoại. Tại phiên tòa anh H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu. Bị cáo nhất trí bồi thường số tiền 26.490.000đ (hai mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng) cho anh Hải nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Trước khi mở phiên tòa, anh Nguyễn Văn H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đặng Tiến Th đã thỏa thuận về việc anh Nguyễn Văn H phải bồi thường cho anh Đặng Tiến Th số tiền 25.100.000đ (hai mươi năm triệu một

trăm đồng) do chiếc điện thoại anh Th gửi anh H vận chuyển bị mất và đề nghị Tòa án ghi nhận. Tại phiên tòa, anh H và anh Thành vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên thỏa thuận, đề nghị nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự thỏa thuận trên.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro max, màu tím, sản xuất năm 2023, chưa qua sử dụng, sau khi mua với Nông Thiêm Chung, anh Hứa Văn Tr đã bán lại cho anh Bé Xuân H1, sau đó anh H1 đã bán chiếc điện thoại cho một người đàn ông không rõ lai lịch, Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy tìm nhưng không thu giữ được.

- Đối với 01 (một) chiếc xe mô tô biển kiểm soát 97B1 – 513.xx, nhãn hiệu HONDA Vision, màu sơn trắng, ngày đăng ký 23/12/2015, số máy: JF58E02823xx, số khung RLHJF5802EY282xxx, đã qua sử dụng, sau khi trộm cắp được Nông Thiêm Ch đã bán cho một người đàn ông không rõ lai lịch, Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy tìm nhưng không thu giữ được.

- Đối với 01 (một) vỏ hộp chất liệu bìa cát tông, có kích thước 10x15x24cm, trên vỏ hộp có dán giấy ghi chữ “người gửi: e Th, 0372.87.97.xx, Ng nhận: A S, 0971.123.2xx, S – TP.C”, bên trong có 01 (một) vỏ hộp điện thoại Iphone, do anh Nguyễn Văn H giao nộp cho cơ quan điều tra. Tại phiên tòa anh H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị không lấy lại, không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

* Đối với anh Hứa Văn Tr là người trực tiếp mua điện thoại với Nông Thiêm Ch, anh Bé Xuân H1 là người mua lại chiếc điện thoại với anh Hứa Văn Tr. Qua điều tra xác định những người trên khi mua điện thoại đều không biết là tài sản do Ch trộm cắp của người khác rồi mang đi bán nên không xem xét, xử lý trách nhiệm hình sự.

* Về án phí: Tiền án phí hình sự, dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố bị cáo Nông Thiêm Ch phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

* Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nông Thiêm Ch 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giam ngày 24/8/2023.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 530, 534, 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Buộc bị cáo Nông Thiêm Ch phải bồi thường cho ông Nông Văn Ch1 và bà Nguyễn Thị Nh số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Buộc bị cáo Nông Thiêm Ch phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn H số tiền 26.490.000đ (hai mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng).

Anh Nguyễn Văn H phải bồi thường cho anh Đặng Tiến Th số tiền 25.100.000đ (hai mươi năm triệu một trăm nghìn đồng).

Việc thi hành án khoản tiền bồi thường được thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) vỏ hộp chất liệu bìa cát tông, có kích thước 10x15x24cm, trên vỏ hộp có dán giấy ghi chữ “người gửi: e Th, 0372.87.97.xx, Ng nhận: A s, 0971.123.2xx, S – TP.C1”, bên trong có 01 (một) vỏ hộp điện thoại Iphone.

Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận giữa Công an thành phố Bắc Kạn và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nông Thiêm Ch phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.324.500 đồng (Hai triệu, ba trăm hai mươi tư nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh ;
- VKSND thành phố;
- Cơ quan CSĐT Công an

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

- thành phố;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố;
 - Chi cục THADS thành phố;
 - Sở tư pháp;
 - Cơ sở giam giữ;
 - Bị cáo;
 - Bị hại;
 - Người liên quan;
 - Lưu hồ sơ;
 - Lưu VP.

Trần Thị Dương